TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **411**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên– Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1298/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 696/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Dương Minh H**, sinh năm 1983
Địa chỉ: 37, ấp B, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 1982
Địa chỉ: 37, ấp B, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông H, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,bản tự khai nguyên đơn ông Dương Minh H trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện chung sống từ năm 2009 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh, thành phố B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Vợ chồng ông bà cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Minh C, sinh ngày 03/11/2009 và Dương Minh T, sinh ngày 23/02/2016. Khi ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Võ Thị Mỹ H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông H. Về con chung: Giao cháu Dương Minh C, sinh ngày 03/11/2009 và Dương Minh T, sinh ngày 23/02/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bà Võ Thị Mỹ H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Minh H và bà Võ Thị Mỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2009 ngày 07/10/2009 nên nên áp dụng Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như ông Hòa trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Võ Thị Mỹ H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt, cho thấy bà H không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản xác minh ngày 13/9/2018 thì địa phương cho biết bà H hiện đang sinh sống tại địa phương, giữa vợ chồng ông H và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về lối sống, hiện cả hai đang sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà H đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc ông H xin ly hôn với bà H có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung là cháu Dương Minh C, sinh ngày 03/11/2009 và Dương Minh T, sinh ngày 23/02/2016. Khi ly hôn ông H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, qua tham khảo ý kiến của cháu Dương Minh C thì nguyện vọng của cháu là được ở với ba còn cháu Dương Minh T còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện tại các cháu C, T đang do ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên giao cả 2 cháu cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cả 2 cháu. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo ông H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào áp dụng Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh H. Ông Dương Minh H được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ H.

Về con chung: Giao các cháu Dương Minh C, sinh ngày 03/11/2009 và Dương Minh T, sinh ngày 23/02/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Ông Dương Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007579 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh H. Ông Dương Minh H được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ H.

Về con chung: Giao các cháu Dương Minh C, sinh ngày 03/11/2009 và Dương Minh T, sinh ngày 23/02/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Ông Dương Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007579 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**